

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 24-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24-01-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 11-01-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 18-01-2019, đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Trịnh Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13-12-2018 đến ngày 19-12-2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Vũ Hải Tr1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Trần Đình H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Tr2; vắng mặt.
2. Anh Đỗ Văn Đ; có mặt.

- **Người chứng kiến:**

1. Chị Nguyễn Thị T; vắng mặt.
2. Bà Phạm Thị T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn T và Nguyễn Văn Tr2 là bạn, T có vay của Tr2 số tiền hơn 30.000.000 đồng. Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 13-12-2018, T mang xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 15N1-226.08 đăng ký mang tên T đến hiệu cầm đồ Trường An ở tổ dân phố Quý Kim, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn để bán. Tại đó, T gặp anh Vũ Hải Tr1 và bán chiếc xe mô tô trên được 30.000.000 đồng (hai bên viết giấy tờ mua bán, T đưa giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh nhân dân của T cho anh Tr1). Sau đó T trả cho Tr2 số tiền 30.000.000 đồng và nói cho Tr2 biết mình đã bán chiếc xe mô tô trên cho hiệu cầm đồ để lấy tiền trả nợ cho Tr2 thì Tr2 nói muốn mua lại chiếc xe mô tô này, T đồng ý. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, T quay lại hiệu cầm đồ Trường An thì gặp anh Trần Đình H (là nhân viên của hiệu cầm đồ), T nói với anh H là muốn mua lại chiếc xe mô tô đã bán thì anh H đồng ý và bảo T phải trả thêm 200.000 đồng tiền lãi; T đồng ý đưa cho anh H 200.000 đồng và lấy đăng ký xe mô tô, chứng minh nhân dân của T đang để ở trên bàn cho vào túi áo và nói với anh H tý nữa có người mang tiền đến lấy xe.

T nhờ anh H gọi hộ xe taxi Nguyễn Gia, hãng đã điều lái xe là anh Đỗ Văn Đ đến trước hiệu cầm đồ Trường An để chở T về nhà sau khi Tr2 mang tiền đến mua lại xe mô tô.

T gọi điện cho Tr2 nhưng Tr2 nói là phải mang xe mô tô về đưa cho Tr2 thì Tr2 mới đưa tiền. Khi nghe Tr2 nói vậy và nhìn thấy anh H đang lau những chiếc xe mô tô của hiệu cầm đồ ở trước cửa căn nhà bên cạnh, xe mô tô T đã bán đang để trong hiệu cầm đồ, chìa khóa vẫn còn đang cắm trong ổ khóa điện thì T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Thực hiện ý định, T đã nói dối anh H là cho T xem 01 chiếc xe mô tô khác của hiệu cầm đồ để mua. Anh H đồng ý và đi vào trong nhà bên cạnh để lấy chìa khóa thì T nhanh chóng đi vào cửa hiệu cầm đồ vừa dắt, vừa nổ máy chiếc xe mô tô đi nhanh ra đường 353 và điều khiển xe mô tô bỏ chạy về hướng chợ Quý Kim. Ngay lúc đó, anh H phát hiện lên xe taxi do anh Đ điều khiển đuổi theo T.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe mô tô chạy đến tổ dân phố Quyết Tiến, phường Hợp Đức thì bị công an phường Hợp Đức bắt giữ và thu giữ 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 15N1-226.08, 01 đăng ký xe mô tô, 01 chiếc ví da màu đen, số tiền 300.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu trắng.

Bản kết luận định giá số 16/KL-HĐĐG ngày 14-12-2018 của Hội đồng định giá tài sản quận Đồ Sơn kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 15N1-226.08 có giá trị 36.900.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 15N1-226.08 và 01 đăng ký chiếc xe mô tô trên mang tên Ngô Văn T đã được Cơ quan điều tra trả lại cho anh Vũ Hải Tr1; 01 chiếc ví da màu đen, số tiền 300.000 đồng, 01

chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tr1 là chủ hiệu cầm đồ Trường An không yêu cầu T phải bồi thường dân sự.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS ngày 10-01-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn. Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 15N1-226.08 có giá trị đúng như bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng của vụ án bị Cơ quan Điều tra thu giữ đúng như quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã nêu. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị hại là anh Tr1 trình bày: Do bị cáo T khó khăn về kinh tế, suy nghĩ nông nổi nên nhất thời chiếm đoạt tài sản của anh và việc bồi thường đã xong, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã nêu. Đề nghị Thẩm phán xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo T mức án tù 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE và số tiền 300.000 đồng, nhưng cần tạm giữ số tiền 300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Thẩm phán xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Thẩm phán xét xử căn cứ vào hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức án treo, để bị cáo có điều kiện đi làm nuôi bố mẹ già yếu và hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Lời khai của bị cáo Ngô Văn T tại phiên tòa phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án, được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản bắt người và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 13-12-2018, tại hiệu cầm đồ Trường An thuộc tổ dân phố Quý Kim, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, T lợi dụng sơ hở của nhân viên hiệu cầm đồ, lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 15N1-226.08 có giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 36.900.000 đồng. Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích bán lấy tiền. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự. Vì vậy, việc

đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có văn bản đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng (liệt sỹ) là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đại diện Viện Kiểm sát, bị hại đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa; chính quyền địa phương xác nhận bị cáo từ khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi đi khỏi nơi cư trú, luôn chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cũng cần xem xét, không nhất thiết phải bắt bị cáo cách ly xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại anh Vũ Hải Tr1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Thẩm phán xét xử không xem xét giải quyết về việc bồi thường thiệt hại.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về xử lý vật chứng*: 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 15N1-226.08 và 01 đăng ký chiếc xe mô tô trên mang tên Ngô Văn T đã được Cơ quan điều tra trả lại cho anh Vũ Hải Tr1 (là người đã mua chiếc xe mô tô này của T) là đúng quy định của pháp luật; 01 chiếc ví da màu đen, số tiền 300.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu trắng thu giữ của Ngô Văn T, đây là tài sản của T, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ số tiền 300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[11] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T 18 (*Mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội Trộm cắp tài sản.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc ví da màu đen, số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn T và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE thu giữ của T, nhưng tạm giữ số tiền 300.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 11-01-2019; Biên lai thu tiền số 6219 ngày 11-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06, PC10);
- UBND phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng